

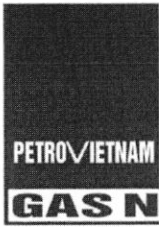
**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2017**

Hà nội, tháng 03 năm 2018





## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

### CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC

#### I. Thông tin chung:

##### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC
- Giấy chứng nhận doanh nghiệp: 0102311149
- + Vốn điều lệ: 277.198.500.000 đồng
- + Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- + Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Hà Nội.
- + Tel: (84 4) 39445555 Fax: (84 4) 39445333
- + Website: [www.pvgasn.vn](http://www.pvgasn.vn)
- + Mã cổ phiếu: PVG

#### Quá trình hình thành và phát triển:

- ❖ Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc (PVGAS North) tiền thân là Công ty Kinh doanh Khí hoá lỏng miền Bắc - thành lập theo Quyết định số 826/QĐ-DKVN ngày 12/4/2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Dầu khí Việt Nam trên cơ sở Xí nghiệp 2 thuộc Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm khí (được thành lập theo Quyết định số 2062/QĐ-HĐQT ngày 29/11/2000 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dầu khí Việt Nam) và bộ phận kinh doanh khí hoá lỏng của Công ty Thương mại Dầu khí tại các tỉnh phía Bắc.
- ❖ Để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, tạo chủ động cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, ngày 20/12/2006 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã ký Quyết định số 3733/QĐ-BCN về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Bắc thành Công ty cổ phần Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Bắc.
- ❖ Ngày 25/06/2007, Công ty cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Bắc được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103018088, đánh dấu sự ra đời của Công ty cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Bắc. Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/07/2007.
- ❖ Ngày 07/1/2009, Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Bắc chính thức niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVG.

- ❖ Ngày 12/9/2012, Công ty cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Bắc được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 8 với mã số doanh nghiệp 0102311149.
- ❖ Ngày 26/10/2015, Công ty cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Lần thứ 10 với mã số doanh nghiệp 0102311149.
- ❖ Ngày 26/07/2017, Công ty cổ phần Kinh doanh khí Miền Bắc được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Lần thứ 12 với mã số doanh nghiệp 0102311149.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

### **+ Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng và các sản phẩm dầu khí;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ kiện; kho bãi; trạm chiết nạp khí hoá lỏng;
- Dịch vụ vận tải khí hoá lỏng;
- Giám định kỹ thuật chai chứa khí hóa lỏng và các thiết bị chịu áp lực
- Kiểm định kỹ thuật an toàn đối với chai chứa khí hóa lỏng và các thiết bị chịu áp lực.
- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy thiết bị và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh gas;
- Đào tạo lao động kỹ thuật ngành gas (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ uỷ thác xuất nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Đại lý, mua bán, ký gửi hàng hoá;

### **+ Địa bàn kinh doanh:**

- Toàn bộ các tỉnh phía Bắc từ Đà Nẵng trở ra.

Năm 2017, Công ty đã thành lập 11 chi nhánh:

#### ❖ Chi nhánh Bắc Bộ

Địa chỉ: Tầng 11 – Tòa nhà Viện Dầu Khí, số 167 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Hà Nội

Vốn điều lệ: 25 tỷ

Lĩnh vực doanh:

- Kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng và các sản phẩm dầu khí;

- Dịch vụ vận tải khí hoá lỏng;
- Giám định kỹ thuật chai chứa khí hóa lỏng và các thiết bị chịu áp lực
- Kiểm định kỹ thuật an toàn đối với chai chứa khí hóa lỏng và các thiết bị chịu áp lực.

❖ Chi nhánh Hòa Bình:

Địa chỉ: Tổ 8, phường Thái Bình, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

❖ Chi nhánh Thái Nguyên:

Địa chỉ: Km16, Quốc lộ 3, tổ dân phố Sau, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

❖ Chi nhánh Phú Thọ

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Lâm Thao, xã Hợp Hải, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

❖ Chi nhánh Duyên Hải:

Địa chỉ: Lô G6, đường D4, khu công nghiệp Hòa Xá, xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Vốn điều lệ: 19 tỷ

Lĩnh vực doanh:

- ❖ Kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng và các sản phẩm dầu khí;
- ❖ Dịch vụ vận tải khí hoá lỏng;
- ❖ Giám định kỹ thuật chai chứa khí hóa lỏng và các thiết bị chịu áp lực
- ❖ Kiểm định kỹ thuật an toàn đối với chai chứa khí hóa lỏng và các thiết bị chịu áp lực.

❖ Chi nhánh Quảng Ninh:

Địa chỉ: số nhà 188 đường Trần Phú, tổ 15, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

❖ Chi nhánh Thanh Hóa:

Địa chỉ: số nhà 03, đường Hàng Than, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

❖ Chi nhánh Miền Trung:

Địa chỉ: Đường Yết Kiêu, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ: 7 tỷ

Lĩnh vực doanh:

- Kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng và các sản phẩm dầu khí;
- Dịch vụ vận tải khí hoá lỏng;
- Giám định kỹ thuật chai chứa khí hóa lỏng và các thiết bị chịu áp lực



- Kiểm định kỹ thuật an toàn đối với chai chứa khí hóa lỏng và các thiết bị chịu áp lực.

- ❖ Chi nhánh Hà Tĩnh:

Địa chỉ: Khối 4, thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

- ❖ Chi nhánh Quảng Bình:

Địa chỉ: số 318 Quang Trung, phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- ❖ Chi nhánh Thừa Thiên Huế

Địa chỉ: Cư chánh 1, xã Thủy Bằng, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đến năm 2016, Công ty đã xây dựng vào đưa vào hoạt động tổng số 04 kho chứa LPG phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh:

- ❖ Tổng kho khí hóa lỏng Hải Phòng

Địa chỉ: 378 Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- ❖ Tổng kho khí hóa lỏng Miền Bắc

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, thành phố Hải Phòng.

- ❖ Tổng kho khí hóa lỏng Bắc Trung Bộ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh.

- ❖ Tổng kho sản phẩm Dầu khí Đà Nẵng

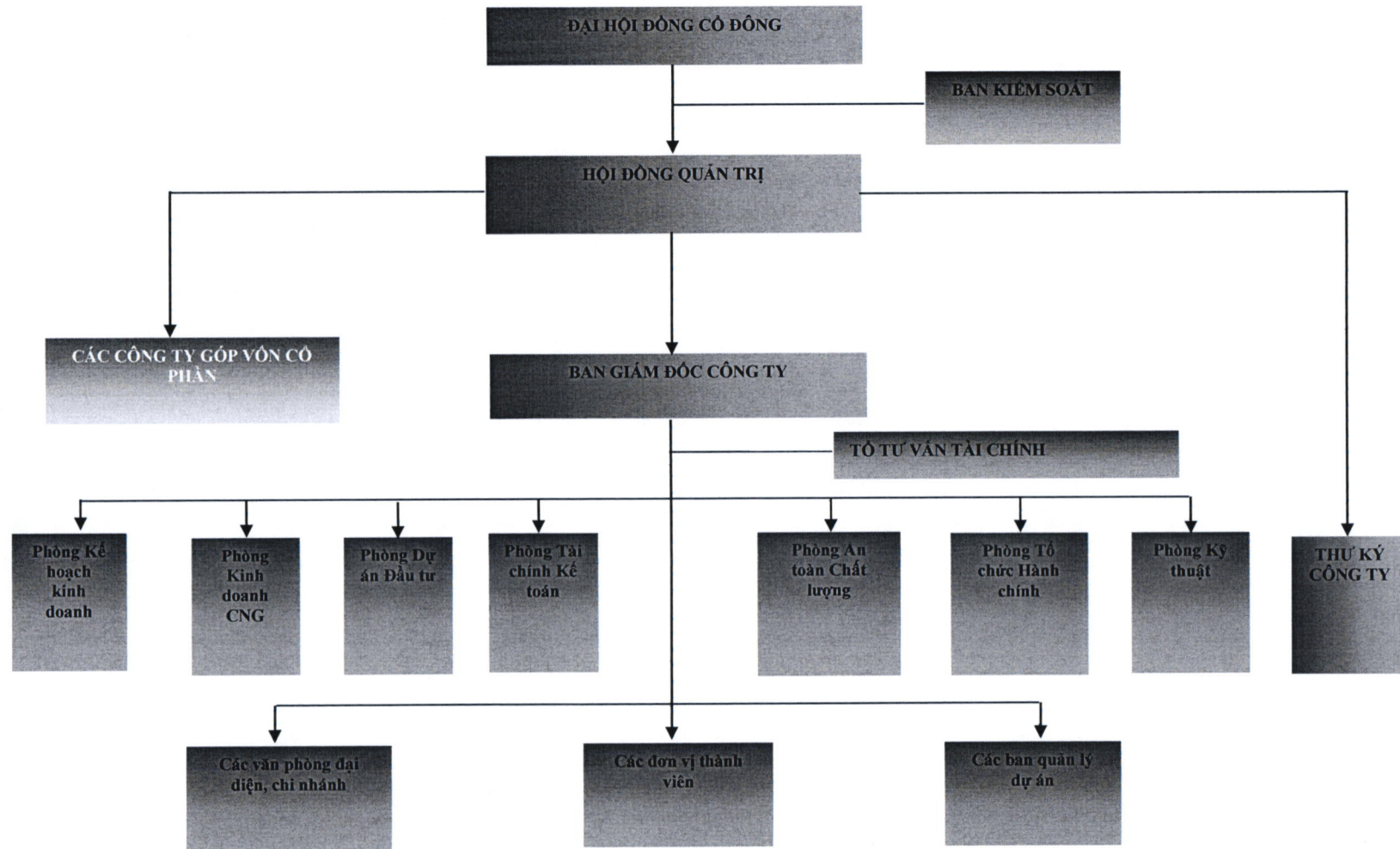
Địa chỉ: Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

#### **+ Mô hình quản trị:**

- ⚡ Đại hội cổ đông có thẩm quyền cao nhất.
- ⚡ Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu gồm 3 thành viên.
- ⚡ Hội đồng quản trị Công ty do ĐHĐCĐ bầu gồm 5 thành viên.
- ⚡ Ban giám đốc Công ty : gồm 1 Giám đốc, 2 phó Giám đốc.

#### **+ Cơ cấu bộ máy quản lý:**



+ Công ty con: không có.

+ Các công ty liên kết:

PV Gas North là cổ đông sáng lập của các công ty:

- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng
- Công ty Cổ phần đầu tư và kinh doanh Tài sản Việt Nam (PVFC invest cũ)

#### **4. Định hướng phát triển:**

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Xây dựng PVGAS N trở thành đơn vị mạnh của TCT Khí và Tập đoàn Dầu khí, đơn vị kinh doanh LPG hàng đầu ở Miền Bắc Việt nam
- Dựa vào nền tảng phát triển của công nghiệp dầu khí, của tập đoàn Dầu khí, chính sách mở cửa của nền kinh tế Việt nam, công ty PVGASN phải được xây dựng thành một công ty sản xuất và kinh doanh mạnh về quy mô thị trường, vốn, công nghệ, lao động, khả năng hợp tác, hội nhập, cạnh tranh trong nước và quốc tế.
- Tốc độ tăng trưởng trung bình từ năm 2008- 2025 : 12%/năm trong đó 2007-2010: 17%/năm, 2011- 2015: 11%/năm, 2016-2020: 9%, 2021-2025: 8%.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Khẳng định vai trò hàng đầu trên thị trường kinh doanh LPG tại thị trường Miền Bắc, từng bước phát triển thị trường khu vực một cách vững chắc tham gia thị trường quốc tế. Mục tiêu đến năm 2025 chiếm 32% thị phần LPG Miền Bắc và giữ vững vai trò chủ đạo trong hoạt động LPG thị trường Miền Bắc.

Xây dựng hệ thống mạng lưới bán lẻ trong khu vực thị trường Miền Bắc.

##### **4.1 Xây dựng thương hiệu PVGAS NORTH:**

- Xây dựng và phát triển thương hiệu PVGAS NORTH thành thương hiệu uy tín, chất lượng và phổ biến.
- Bảo vệ và nâng cao uy tín của thương hiệu bình gas PETROVIETNAM GAS trong toàn thị trường.

##### **4.2 Phát triển hệ thống kho tàng trữ LPG và các sản phẩm dầu khí:**

- Hoàn thiện hệ thống kho chứa tàng trữ LPG ở các khu vực Hải phòng, Hà Tĩnh, Đà Nẵng.
- Phát triển nhanh hệ thống bán lẻ LPG đến tận tay người tiêu dùng ở Huế, Nghệ An, Hà Tĩnh, Phú Thọ, Thái Nguyên, Yên Bái.

##### **4.3 Xây dựng hệ thống khách hàng công nghiệp sử dụng khí nén CNG**

+ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

\* Cung cấp nguồn nhiên liệu sạch góp phần bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước.



## **5. Các rủi ro:**

### **5.1 Rủi ro kinh tế**

Các nhân tố có ảnh hưởng đến nền kinh tế bao gồm tốc độ tăng trưởng kinh tế, thị trường, lãi suất, lạm phát, tỷ giá hối đoái,... Nếu có sự biến động mạnh của các nhân tố trên sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế quốc gia. Do đó tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty có thể sẽ bị ảnh hưởng theo.

### **5.2 Rủi ro xuất phát từ đặc điểm kinh doanh**

PVGAS NORTH chịu ảnh hưởng và biến động của thị trường thăm dò, khai thác khí trong nước và trên thế giới, tác động mạnh tới nguồn khí, giá khí đầu vào của PVGAS NORTH. Trong lĩnh vực kinh doanh LPG Thị trường cạnh tranh về hệ thống bán lẻ và chính sách định giá thấp liên tục nhằm chiếm lĩnh thị trường từ các trạm chiết nạp tư nhân mới ra đời ở các địa phương.

Nạn chiết nạp lậu, chiếm dụng vỏ bình hàng giả và gian lận thương mại diễn ra phổ biến, không được xử lý triệt để, đã làm ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của các thương hiệu lớn.

Thị trường bán gas bình luôn cạnh tranh về hệ thống phân phối và giá với các hãng tư nhân. Các hãng tư nhân luôn định giá thấp để phá giá, chiếm lĩnh thị trường.

### **5.3 Rủi ro dự án**

Một số dự án đầu tư có hiệu quả chưa cao như Tổng kho khí hóa lỏng Bắc Trung Bộ, Tổng kho Sản phẩm Dầu khí Đà Nẵng do nhu cầu thị trường thấp nên công suất khai thác Kho chưa sử dụng hết. Do đó, kế hoạch trong các năm tới, PVGAS NORTH sẽ tìm kiếm đối tác tại các thị trường trên để nhằm tối đa hóa công suất sử dụng Tổng Kho sản phẩm Dầu Khí Đà Nẵng.

### **5.4 Rủi ro về luật pháp**

Hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay chưa thật sự hoàn chỉnh và khả năng thực thi chưa cao. Thêm vào đó vẫn còn tồn tại nhiều quy định phức tạp chồng chéo trong lĩnh vực hành chính. Bên cạnh đó, do Việt Nam đã gia nhập WTO, cần một hệ thống pháp lý hoàn thiện hơn để phù hợp với các chuẩn mực kinh tế pháp lý thế giới trong quá trình hội nhập nên sẽ có rủi ro về tính biến động pháp lý.

Ngoài ra, các chuẩn mực kế toán kiểm toán mới cũng đang được xây dựng và hoàn chỉnh. Các sự thay đổi này cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty PVGAS NORTH nói riêng và các công ty khác nói chung.

### **5.5 Rủi ro khác**

Một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu có thì sẽ tác động lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là những rủi ro về động đất, hỏa hoạn, hạn hán, bão lụt, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo....

## **II. Tình hình hoạt động trong năm:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Tình hình kinh tế - xã hội nước ta năm 2017, có tín hiệu chuyển biến tốt hơn so với năm ngoái, mức tiêu thụ hàng hóa và tăng trưởng các ngành đạt mức khá do sự biến động giảm của các mặt hàng xăng, dầu, gas ở mặt bằng giá thấp. Hoạt động sản xuất kinh doanh cùng với xuất/nhập khẩu hàng hóa tăng so với năm 2016.

Thị trường LPG có nhiều biến động về giá không dự đoán được do dư cung và sự phức tạp về chính trị ở các nước trên thế giới. Ở trong nước, tăng trưởng cung- cầu về LPG cả nước đạt ở mức khoảng 16% so với năm trước. Cạnh tranh trong bán hàng công nghiệp và bán hàng dân dụng chủ yếu dựa trên yếu tố định giá thấp, ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động SXKD tại một số thị trường cạnh tranh khốc liệt kéo dài.

Năm 2017, bộ máy lãnh đạo cùng tập thể CBCNV Công ty đã đoàn kết nhất trí, kiểm soát giảm thiểu ảnh hưởng từ các yếu tố bên trong cũng như bên ngoài và cố gắng vượt qua khó khăn. Với nỗ lực và quyết tâm cao, Công ty đã tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, chủ động và linh hoạt trong các tình huống kinh doanh, thúc đẩy nhịp độ SXKD, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản do Tổng Công ty Khí Việt Nam giao và Nghị quyết ĐHCĐ năm 2017 đề ra.

## **2. Tổ chức nhân sự:**

+ Ban Điều hành:

Giám đốc: Đoàn Trúc Lâm

Ngày tháng năm sinh: 29/3/1975

Nghề nghiệp: Cử nhân Quản trị Kinh doanh và cử nhân Luật.

Số cổ phiếu sở hữu có quyền biểu quyết: 1.700 CP

Số cổ phiếu uỷ quyền có quyền biểu quyết: 3.000.000CP

Phó giám đốc: Tạ Quốc Anh

Ngày tháng năm sinh: 30/08/1961

Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng

Số cổ phiếu sở hữu có quyền biểu quyết: 0 CP

Số cổ phiếu uỷ quyền có quyền biểu quyết: 0 CP

Phó giám đốc: Hoàng Thị Thu Hằng

Ngày tháng năm sinh: 30/03/1967

Nghề nghiệp: Kỹ sư hóa. Thạc sỹ Quản trị doanh nghiệp

Số cổ phiếu sở hữu có quyền biểu quyết: 3.200 CP

Số cổ phiếu uỷ quyền có quyền biểu quyết: 2.000.000 CP

Kế toán trưởng: Phạm Thị Diệu Thuý

Ngày tháng năm sinh: 20/6/1976



Nghề nghiệp: Cử nhân Kinh tế

Số cổ phiếu sở hữu có quyền biểu quyết: 1.500 CP

Số cổ phiếu ủy quyền có quyền biểu quyết: 0 CP

+ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Tổng số cán bộ công nhân viên Công ty tính đến 31/12/2017: 477 người. Cụ thể, trình độ đội ngũ lao động tại PVGAS NORTH được phản ánh như sau:

| Stt | Trình độ           | Số người   | Tỷ trọng (%) |
|-----|--------------------|------------|--------------|
| 1   | Thạc sỹ            | 10         | 2,09         |
| 2   | Đại học            | 193        | 40,46        |
| 3   | Cao đẳng           | 51         | 10,69        |
| 4   | Trung cấp          | 84         | 17,61        |
| 5   | Công nhân kỹ thuật | 96         | 20,12        |
| 6   | Lao động phổ thông | 43         | 9,01         |
|     | Tổng cộng          | <b>477</b> | <b>100</b>   |

- Chính sách đối với người lao động:

- Đảm bảo thực hiện việc ký hợp đồng lao động, trích nộp BHXH, BHYT, BH thất nghiệp và các quyền lợi của người lao động theo đúng luật. Ngoài ra còn tham gia mua bảo hiểm con người cho CBCNV Công ty.
- Thực hiện đúng chế độ về lương, thưởng các dịp lễ, Tết cho người lao động.
- Xây dựng quy chế quản lý cán bộ, chính sách đề bạt, bổ nhiệm nhân sự linh hoạt, tạo động lực cho các CBCNV phát huy khả năng của mình.
- Chú trọng gắn đào tạo với sử dụng, khuyến khích nhân viên tham gia các chương trình đào tạo phù hợp với công việc.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong toàn thể đội ngũ CBCNV.
- Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại khuyến khích và tạo điều kiện cho CBCNV học tập, nâng cao trình độ để gắn bó làm việc lâu dài tại PVGAS NORTH.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Quản lý chặt chẽ, bám sát kế hoạch, tiến độ của các Dự án của Công ty.
- Năm 2017 Công ty đã hoàn thành quyết toán Công trình Tổng kho sản phẩm Dầu khí Đà Nẵng, sức chứa 1.500T vào hoạt động.
- Quyết toán Dự án Trạm sơn sửa kiểm định bình gas tại Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

- Hoàn thành cung cấp, lắp đặt thiết bị và đưa vào cung cấp CNG cho các nhà máy: Long Phương, Mitac, Catalan, Enkei, Thạch Bàn, Hồng Hà, VFG, SSE, Việt Úc, Thanh Trì, Việt Trì, Tiên Sơn.
- Hoàn thành, bàn giao nhà máy sản xuất lon gas mini tại Đình Vũ – Hải Phòng cho đối tác DEASUN.

#### 4. Tình hình Tài chính:

4.1 Tình hình tài chính :

Đơn vị : VNĐ

| Chỉ tiêu                 | TH năm 2017       | TH năm 2016       |
|--------------------------|-------------------|-------------------|
| Tổng giá trị tài sản     | 1,455,532,605,367 | 1,318,025,146,933 |
| Doanh thu thuần          | 3,552,348,417,374 | 2,525,198,676,252 |
| Lợi nhuận hoạt động SXKD | 13,481,613,629    | 256,382,772       |
| Lợi nhuận khác           | 947,483,835       | 351,839,213       |
| Lợi nhuận trước thuế     | 14,429,097,464    | 608,221,985       |
| Lợi nhuận sau thuế       | 13,197,749,125    | 608,221,985       |
| Tỷ lệ cổ tức             | -                 | -                 |

4.2 So sánh một số chỉ tiêu tài chính trong năm 2017/2016:

| Chỉ tiêu  | Đơn vị tính | Năm 2017 | Năm 2016 | Ghi chú |
|---|-------------|----------|----------|---------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                          |             |          |          |         |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn                                       | Lần         | 0.73     | 0.74     |         |
| Hệ số thanh toán nhanh  | Lần         | 0.09     | 0.71     |         |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                   |             |          |          |         |
| Nợ phải trả/Tổng tài sản  | %           | 72,85    | 69,45    |         |
| Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu                                      | %           | 268,35   | 227,32   |         |
| Nợ ngắn hạn/Nợ phải trả   | %           | 91,32    | 89,52    |         |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                           |             |          |          |         |
| Vòng quay hàng tồn kho  | Vòng        | 44,89    | 55,85    |         |
| Vòng quay tổng tài sản  | Vòng        | 2,57     | 2,04     |         |
| Vòng quay phải trả  | Vòng        | 3,00     | 1,73     |         |
| Vòng quay phải thu  | Vòng        | 8,40     | 6,03     |         |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                            |             |          |          |         |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần                      | %           | 0,37     | 0,03     |         |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu                        | %           | 3,40     | 1,60     |         |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản                         | %           | 1,04     | 0,03     |         |
| Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | %           | 0,37     | 0,01     |         |



5. Cơ cấu cổ đông:

a. Cổ phần: 27.719.850 CP tự do

b. Cơ cấu cổ đông: (tính đến ngày 20/3/2017)

| STT | Cổ đông                       | Số lượng cổ đông | Số lượng CP sở hữu   | Tỷ trọng (%) |
|-----|-------------------------------|------------------|----------------------|--------------|
|     | <b>Cổ đông trong nước</b>     | <b>1.875</b>     | <b>26.082.832 CP</b> | <b>94,1</b>  |
| 1   | Cổ đông là tổ chức trong nước | 25               | 11.395.566 CP        | 41,11        |
| 2   | Cổ đông là cá nhân trong nước | 1.850            | 14.687.266 CP        | 52,99        |
|     | <b>Cổ đông nước ngoài</b>     | <b>27</b>        | <b>1.637.018 CP</b>  | <b>5,9</b>   |
| 1   | Cổ đông là cá nhân nước ngoài | 18               | 389.818 CP           | 1,4          |
| 2   | Cổ đông là tổ chức nước ngoài | 9                | 1.247.200CP          | 4,5          |

Thông tin chi tiết cổ đông lớn

| TT | Tên cổ đông                      | Địa chỉ  | Số cổ phần nắm giữ | Giá trị cổ phần (nghìn đồng) | Tỷ trọng (%) | Số CMND/Số GCN ĐKKD |
|----|----------------------------------|--|--------------------|------------------------------|--------------|---------------------|
| 1  | Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP | Tầng 12, Tòa nhà PVGAS TOWER, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh. | 9.946.631          | 99.466.310                   | 35,88        | 3500102710          |

Cổ đông lớn: Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP nắm giữ 9.946.631 CP tương đương 35,88% Vốn điều lệ.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Sản phẩm bình gas 12 kg và 45 kg, bình gas composite 11kg được Công ty nhập khẩu và đặt hàng từ các công ty chuyên sản xuất trong nước được Nhà nước cấp phép hoạt động. Các vỏ bình gas được chế tạo theo tiêu chuẩn mỹ DOT-4BA, DOT-4BW-240. Trong quá trình sản xuất

kinh doanh các vỏ bình gas được Công ty tiến hành kiểm định an toàn đầy đủ theo đúng quy định của Nhà nước.

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm.: Không có.

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty: Không có.

#### 6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Tiết kiệm năng lượng là một trong những vấn đề được Công ty quan tâm làm giảm chi phí hoạt động tăng hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty quản lý và sử dụng năng lượng theo đúng các yêu cầu của pháp luật. Trong năm 2017, khối lượng điện tiêu thụ của Công ty là 980kwh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng.

#### 6.3 Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn nước được sử dụng tại các kho chứa, trạm chiết nạp của Công ty là nguồn nước sạch được cung cấp với các khu công nghiệp và đơn vị cấp nước của nhà nước cho mục đích sản xuất và sinh hoạt. Năm 2017, khối lượng nước Công ty sử dụng 7000m<sup>3</sup>.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

#### 6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Áp dụng hệ thống quản lý an toàn - chất lượng – môi trường toàn công ty theo ISO 9001:2008, ISO14001:2004 và OHSAS18001:2007 cho phạm vi kinh doanh LPG và khí CNG.

Thực hiện đầy đủ các quy định về hóa chất, các bồn chứa, trạm chiết nạp của Công ty luôn đảm bảo các yêu cầu về chất lượng và yêu cầu kỹ thuật, thường xuyên kiểm tra và khắc phục kịp thời các sự cố, không để ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như gây tác động xấu tới môi trường.

Khảo sát đánh giá điều kiện vệ sinh lao động, khảo sát môi trường định kỳ đầy đủ và xử lý kịp thời các yếu tố bất lợi phát sinh.

Trong Công ty áp dụng chương trình 5S khuyến khích người lao động làm việc ngày càng chuyên nghiệp tạo ra môi trường làm việc sạch sẽ, trong lành hơn.

Tiếp tục phổ biến, đưa sản phẩm khí CNG đến với nhiều khách hàng hơn, CNG là nguồn năng lượng sạch không phát sinh các chất độc hại gây ô nhiễm môi trường khi cháy như CO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, có giá thành rẻ hơn các loại nhiên liệu khác và hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao. Trong thời gian tới, Công ty có kế hoạch nhân rộng hơn nữa sản phẩm này, vừa nâng cao doanh thu cho Công ty vừa góp phần bảo vệ môi trường.



Các tổ chức Đoàn thể xã hội như Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty tổ chức các hoạt động về môi trường nhân ngày môi trường thế giới hàng năm như cam kết không xả rác ra môi trường, tổ chức các hoạt động trồng cây xanh....

Nhờ việc thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, năm 2017 Công ty không có bất kỳ vi phạm vào liên quan đến lĩnh vực này.

#### 6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

##### a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Năm 2017, số lượng lao động làm việc tại Công ty là 477 người. Các mức lương thưởng cho người lao động được Công ty quy định cụ thể và rõ ràng tại Quy chế trả lương trả thưởng của PVGAS North. Theo đó, chế độ tiền lương cho CBCNV bao gồm lương cơ bản và lương hiệu quả. Tiền lương của người lao động gắn liền với năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc theo chức danh cụ thể được đảm nhận.

Bên cạnh tiền lương, Công ty còn quan tâm đến đời sống vật chất của người lao động thông qua việc xét thưởng trong các dịp Lễ, Tết. Tiền thưởng được trích từ các quỹ và được xem xét, phân chia một cách hợp lý và công bằng.

##### b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn đi kèm với chất lượng sức khỏe của người lao động. Hàng năm, Công ty đều tổ chức cho người lao động được khám sức khỏe định kỳ nhằm phát hiện những bất lợi đối với tình hình sức khỏe và có biện pháp khắc phục phù hợp.

Bên cạnh khám sức khỏe, CBCNV còn được kiểm tra bệnh nghề nghiệp, tư vấn sức khỏe, cung cấp đầy đủ cơ sở thuốc cần thiết cho CBCNV làm việc tại các đơn vị trực thuộc, trong trường hợp cần thiết, người lao động sẽ được bố trí công việc phù hợp với tình trạng của mình.

CBCNV làm việc trong môi trường nặng nhọc và độc hại được cấp phát bồi dưỡng hiện vật đầy đủ và đúng quy định.

Công ty còn tổ chức bếp ăn tập thể phục vụ bữa ăn cho CBCNV làm việc tại các kho, trạm, đơn vị trực thuộc đồng thời hướng dẫn thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo không xảy ra ngộ độc thức ăn cho CBCNV.

Cùng với việc giải quyết các chế độ chính sách như bảo hiểm, hưu trí, thai sản, ốm đau luôn được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định. Cán bộ công nhân viên được tham gia nhiều hoạt động tập thể trong nội bộ PVGAS North và trong ngành tổ chức.

##### c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty thực hiện đào tạo nội bộ cho CBCNV các nội dung: đào tạo nhập ngành, đào tạo về quy trình ISO, công tác an toàn cho nhân viên mới.

Bám sát yêu cầu của công việc, yêu cầu của sản xuất kinh doanh, các thay đổi về chính sách và quy định của Nhà nước, Công ty tổ chức hoặc cho CBCNV tham gia các khóa đào tạo về an



toàn, PCCC... các khóa đào tạo nâng cao trình độ cho nhân viên kinh doanh, nhân viên bán hàng, quản lý các trạm và cửa hàng.

Năm 2017 số lượt người được đào tạo 1.090 người vượt 209% so với kế hoạch của Công ty. Các khóa học vượt phát sinh ngoài kế hoạch do thay đổi của quy định pháp luật, Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật và CBCNV nắm được kiến thức pháp luật đáp ứng yêu cầu của công việc và đảm bảo an toàn cho người lao động trong công việc.

#### 6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công đoàn Công ty đã chủ động phối hợp với lãnh đạo vận động 100% CBCNV đóng góp “ quỹ tương trợ Dầu khí”, ủng hộ quỹ “ Vì phụ nữ nghèo Dầu khí”, ủng hộ đồng bào các tỉnh bị thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn, ủng hộ bản thân và gia đình CBCNV khi gặp khó khăn... với tinh thần tương thân, tương ái.

#### 6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về công bố thông tin hiện nay là Thông tư số 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính, Nghị định 71/NĐ-CP nhằm công khai, minh bạch thị trường Việt Nam thu hút đầu tư nước ngoài cũng như các công ty của Việt Nam hội nhập với khu vực và trên thế giới.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

| <i>Chỉ tiêu</i>      | <i>Thực hiện năm 2016</i> | <i>Tỷ lệ thực hiện kế hoạch năm 2016</i> | <i>Thực hiện năm 2017</i> | <i>Tỷ lệ thực hiện kế hoạch năm 2017</i> |
|----------------------|---------------------------|--|---------------------------|--|
| Doanh thu            | 2,525 tỷ đồng             | 106%                                     | 3,552 tỷ đồng             | 124,8%                                   |
| Lợi nhuận trước thuế | 608 triệu đồng            | 4%                                       | 14.429 triệu đồng         | 131,5%                                   |
| Nộp NSNN             | 21 tỷ đồng                |  | 70 tỷ đồng                |  |

- Năm 2017 thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam là bao tiêu khối lượng hàng từ Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, nhưng kế hoạch cấp hàng của Nhà máy luôn thay đổi.
- Lượng vô bình của các hãng tư nhân mới tăng mạnh trong năm như: FGas, An Bình, Hoàng Long, An Dương, V Gas, Valexim VT Gas, Đất Việt, v.v. Sự cạnh tranh giành thị phần trên thị trường bằng cạnh tranh giá khốc liệt và càng thêm khốc liệt trong giai đoạn này.
- Chiết nạp lậu gia tăng và gian lận thương mại về trọng lượng, trái phép nạp vào bình thương hiệu hãng khác, vi phạm sở hữu trí tuệ về hàng hóa xảy ra nhiều trên thị trường chưa có sự vào cuộc mạnh mẽ của cơ quan quản lý Nhà nước.

Trước những khó khăn trên, Lãnh đạo Công ty đã sâu sát nắm tình hình, linh hoạt, chủ động chỉ đạo bộ phận kinh doanh nhập khẩu, tối ưu hóa công tác nhập – xuất – tồn và điều tiết nguồn hàng đảm bảo nhu cầu tiêu thụ của người tiêu dùng. Công ty đã đạt được những kết quả cụ thể:

- Hoàn thành chỉ tiêu doanh thu và sản lượng theo kế hoạch được Tổng Công ty Khí và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Đảm bảo nhận khối lượng bao tiêu theo kế hoạch của Nhà máy lọc dầu Dung Quất;
- Tập trung nguồn lực theo dõi sát tình hình biến động tỷ giá, quan hệ giao dịch tốt với ngân hàng, đảm bảo đủ nguồn ngoại tệ thanh toán cho hoạt động nhập khẩu LPG hạn chế rủi ro chênh lệch tỷ giá.
- Xây dựng mối quan hệ đối tác với các công ty cùng kinh doanh gas, các bạn hàng để hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động SXKD.
- Giữ vững và phát triển được thị phần khu vực phía Bắc, nâng cao uy tín cho thương hiệu PetroVietnam Gas. Hiện tại Công ty vẫn đang ở vị trí dẫn đầu về thị phần tại khu vực phía Bắc với 29% thị phần.

## **2. Tình hình tài chính**

### **2.1 Về tình hình biến động tài sản**

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2017 đạt 1,455 tỷ đồng tăng 11% so với năm 2016. Trong tổng tài sản, có sự chuyển dịch cơ cấu mạnh từ tài sản dài hạn sang tài sản ngắn hạn. Cụ thể, tài sản dài hạn giảm 6% và tài sản ngắn hạn tăng 36%. Tài sản ngắn hạn tăng do giá trị hàng tồn kho tăng 57% do giá CP tăng và Phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 27%. Tài sản dài hạn giảm chủ yếu chi phí tài sản cố định giảm do giá trị hao mòn lũy kế tăng 20% so với cùng kỳ 2016.

Trong tổng tài sản, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu là 51,2% (tương đương 745 tỷ đồng). Tài sản ngắn hạn chiếm 48,8%, tương đương 710 tỷ đồng.

### **2.2 Về tình hình nợ phải trả**

Tổng nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2017: 1,455 tỷ đồng. Trong cơ cấu nguồn vốn, nợ phải trả chiếm tỷ trọng 73% tương đương 1.060 tỷ đồng. So với năm 2016, nợ phải trả năm 2016 giảm 133 tỷ đồng, tương đương giảm 13%. Năm 2017 trong đó, phải trả người bán là 495 tỷ đồng, giảm 15 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2016 (tương đương 3%).

Nợ ngắn hạn 423 tỷ đồng là các khoản vay ngắn hạn dưới 3 tháng với lãi suất thấp nhằm mục đích thanh toán tiền mua hàng cho các nhà cung cấp.

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:**

- Hoàn thiện các Quy trình, quy chế làm việc, quy hoạch cán bộ theo định hướng chiến lược của Công ty đến năm 2016.
- Củng cố hệ thống quản lý an toàn - chất lượng – môi trường toàn công ty theo ISO9001:2008, ISO14001:2004 và OHSAS18001:2007, các tiêu chuẩn quy phạm về An toàn PCCN trong sản xuất kinh doanh Khí hóa lỏng, mời tổ chức đánh giá, cấp giấy chứng nhận phù hợp theo tiêu chuẩn này vào thời điểm thích hợp.

## **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**



Trên cơ sở SXKD năm 2017, năng lực SXKD, nguồn khí đầu vào của PVGAS NORTH và nhu cầu tiêu thụ mà khách hàng đăng ký, Công ty xây dựng kế hoạch năm 2018 như sau:

| STT | Chỉ tiêu                               | ĐVT     | Kế hoạch 2018 |
|-----|--|---------|---------------|
| 1   | Doanh thu                              | Tỷ đồng | 3.366,9       |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế TNDN              | Tỷ đồng | 10,5          |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế TNDN                | Tỷ đồng | 8,4           |
| 4   | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ | %       | 3             |
| 5   | Nộp Ngân sách nhà nước                 | Tỷ đồng | 20,9          |
| 6   | Chia cổ tức bằng tiền mặt              | %       | -             |

#### 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

**Phụ lục 1 đính kèm:**

- Công văn số 199/CV-KMB ngày 21 tháng 3 năm 2018 về giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước.

#### 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty triển khai và duy trì hệ thống quản lý an toàn – chất lượng – môi trường. Công ty đã ban hành chính sách an toàn – sức khỏe – môi trường với mục tiêu là “ Ngăn ngừa các thiệt hại về con người, tài sản, môi trường trong các hoạt động sản xuất kinh doanh và tuân thủ các yêu cầu của pháp luật, thỏa mãn nhu cầu của khách hàng và đáp ứng các yêu cầu của các bên liên quan”, xây dựng mục tiêu an toàn hàng năm cho toàn Công ty nói chung và các Phòng, Ban và các đơn vị thành viên nói riêng. Công ty xây dựng và ban hành hơn 195 quy trình, quy định kiểm soát các hoạt động như đánh giá rủi ro, kiểm tra an toàn, giám sát an toàn, đào tạo huấn luyện, kiểm soát chất lượng sản phẩm, kiểm soát môi trường làm việc, các quy trình, hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng sửa chữa.... Các quy trình này thường xuyên được rà soát, cập nhật, cải tiến theo yêu cầu của đơn vị đánh giá.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty có đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao chiếm tỷ lệ lớn (gần 50%) tạo điều kiện thuận lợi cho công ty trong việc phát triển công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh và áp dụng các biện pháp cải tiến kỹ thuật công nghệ.

Người lao động tại Công ty luôn tâm huyết, có thời gian gắn bó lâu dài, đoàn kết, năng động, sáng tạo đã góp phần rất lớn vào sự thành công và phát triển của Công ty hiện nay.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Thông qua các diễn đàn, các cuộc tiếp xúc, văn bản hành chính, email trao đổi giữa doanh nghiệp và hiệp hội ngành, cả hai bên có thể chia sẻ những khó khăn, vướng mắc và những kỳ vọng để luôn trở thành thành viên có đóng góp tích cực trong việc chia sẻ thông tin và xây dựng phát triển ngành.

Công ty luôn nỗ lực trong việc đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế địa phương thông qua việc tuân thủ các quy định tại các địa bàn Công ty có đặt văn phòng, kho chứa, trạm chiết nạp, cửa hàng.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Công ty có đặc điểm thuận lợi là 04/05 thành viên HĐQT đều nằm trong ban lãnh đạo Công ty, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của ban điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban hàng tháng của Giám đốc với bộ máy điều hành công ty.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban Giám đốc và bộ máy điều hành công ty về việc triển khai các nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT hoặc về việc chuẩn bị và triển khai các dự án.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD thông qua các cuộc họp, báo cáo, văn bản của Ban Giám đốc và bộ máy điều hành.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc:**

Năm qua, do ảnh hưởng của kinh tế thế giới và trong nước nên Công ty gặp một số khó khăn về chủ quan và khách quan trong sản xuất kinh doanh. Cụ thể:

- Trong năm 2017, tình trạng suy thoái kinh tế đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và đời sống sinh hoạt của người dân, biến động giá các mặt hàng tăng cao, trong đó mặt bằng giá tiêu dùng gas vẫn ở mức cao nên nhu cầu sử dụng giảm, do chuyển đổi nhiên liệu và ý thức tiết kiệm hơn.
- Cạnh tranh thị trường rất phức tạp, có nhiều hãng mới, thương hiệu mới ra đời. Thị trường bán lẻ gặp khó khăn lớn do cạnh tranh không lành mạnh trên hầu hết các vùng, miền.

##### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị;**

- Chỉ đạo triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2017
- Giám sát thường xuyên công tác thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, phối hợp chặt chẽ cùng với Ban Giám đốc Công ty kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, quyết định những vấn đề phục vụ cho SXKD của công ty nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.
- Tìm các biện pháp khai thác hiệu quả Tổng kho Sản phẩm dầu khí Đà Nẵng .
- Đẩy mạnh kinh doanh gas dân dụng, phát triển kênh phân phối trực tiếp đến người tiêu dùng, nâng cao năng lực cạnh tranh của thương hiệu PETROVIETNAM GAS.
- Tiếp tục thực hiện chương trình bán lẻ theo chiến lược của Tổng Công ty đã phê duyệt.
- Đẩy mạnh công tác kinh doanh CNG đảm bảo an toàn, hiệu quả.
- Tổ chức các phiên họp HĐQT thường kỳ và bất thường, quyết nghị các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của công ty.

#### **V. Quản trị Công ty:**

##### **1. Hội đồng quản trị:**

###### **1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT:**

Hội đồng quản trị PVGAS NORTH năm 2017 gồm 5 thành viên.



| Họ tên             | Chức vụ    | Số cổ phần nắm giữ | %      | Số lượng chức danh TV HĐQT nắm giữ tại các Cty khác |
|--------------------|------------|--------------------|--------|---|
| Trần Trọng Hữu     | Chủ tịch   | 11.300 CP          | 0,04%  | 0   |
| Đoàn Trúc Lâm      | Thành viên | 1.700 CP           | 0,006% | 0   |
| Hoàng Thị Thu Hằng | Thành viên | 3.200 CP           | 0,01%  | 0   |
| Trịnh Văn Minh     | Thành viên | 50.000 CP          | 0,18%  | 1   |
| Vương Dũng Hoàng   | Thành viên | 0 CP               | 0,00%  | 0   |

**1.2 Các tiêu bản thuộc HĐQT:** tháng 2/2017 Thành lập Tiêu ban Thư ký và Truyền thông

**1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

| S<br>T<br>T | Thành viên HĐQT       | Chức vụ                   | Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự       |
|-------------|-----------------------|---------------------------|---------------------------------|---------------------|-------|---------------------------|
| 1           | Ông Trần Trọng Hữu    | Chủ tịch HĐQT             | 25/5/2007                       | 09                  | 100%  |                           |
| 2           | Ông Đoàn Trúc Lâm     | Ủy viên HĐQT Giám đốc     | 12/9/2007                       | 09                  | 100%  |                           |
| 3           | Bà Hoàng Thị Thu Hằng | Ủy viên HĐQT Phó Giám đốc | 14/5/2015                       | 09                  | 100%  |                           |
| 4           | Ông Trịnh Văn Minh    | Ủy viên HĐQT              | 20/4/2017                       | 03                  | 100%  | Xin ý kiến qua điện thoại |
| 5           | Ông Vương Dũng Hoàng  | Ủy viên HĐQT              | 20/4/2017                       | 03                  | 100%  | Xin ý kiến qua điện thoại |

**Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:**

Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi với Ban Giám đốc Công ty trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Hàng tháng tham dự họp giao ban công việc với toàn thể cán bộ chủ chốt của Công ty.

**Các nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:** (Báo cáo năm 2017)

| TT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày       | Nội dung  |
|----|--------------------------|------------|---|
| 1. | 01/QĐ-HĐQT-KMB           | 18/1/2017  | Vay tín dụng bổ sung vốn lưu động                   |
| 2. | 02/NQ-HĐQT-KMB           | 24/01/2017 | Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch 2016.                  |
| 3. | 03/QĐ-HĐQT-KMB           | 07/02/2017 | Thành lập Tiêu ban Thư ký và Truyền thông           |
| 4. | 04/QĐ-HĐQT-KMB           | 08/2/2017  | Phê duyệt đầu tư hệ thống Mixer cho nhà máy Catalan |
| 5. | 05/QĐ-HĐQT-KMB           | 16/2/2017  | Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình đầu |



| TT  | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày       | Nội dung   |
|-----|--------------------------|------------|--|
|     |                          |            | tư hệ thống Mixer cho Nhà máy Catalan  |
| 6.  | 06/QĐ-HĐQT-KMB           | 28/02/2017 | Thôi cử người đại diện Công ty Cổ phần Xăn dầu Dầu khí Vũng Áng  |
| 7.  | 07/QĐ-HĐQT-KMB           | 28/2/2017  | Cử người đại diện Công ty Cổ phần Xăn dầu Dầu khí Vũng Áng   |
| 8.  | 08/QĐ-HĐQT-KMB           | 20/03/2017 | Phê duyệt điều chỉnh thời hạn hoạt động của dự án đầu tư kho dầu mỗi tầng trữ, chế biến, phân phối khí hóa lỏng (LPG)  |
| 9.  | 09/QĐ-HĐQT-KMB           | 23/03/2017 | Vay vốn tín dụng bổ sung vốn lưu động  |
| 10. | 10/QĐ-HĐQT-KMB           | 23/03/2017 | Giao kế hoạch năm 2017 cho Công ty.  |
| 11. | 11/QĐ-HĐQT-KMB           | 24/03/2017 | Thông qua dự thảo Hợp đồng sáp nhập với các công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Bắc  |
| 12. | 12/QĐ-HĐQT-KMB           | 15/5/2017  | Cử cán bộ đi công tác.   |
| 13. | 13/QĐ-HĐQT-KMB           | 08/06/2017 | Vay vốn tín dụng bổ sung vốn lưu động  |
| 14. | 14/NQ-HĐQT-KMB           | 05/07/2017 | Thay đổi tên Công ty   |
| 15. | 15/QĐ-HĐQT-KMB           | 10/7/2017  | Chấp thuận điều chỉnh giá hợp đồng Hợp đồng số 456/2015/HĐKT/DA ngày 18/8/2015 (Gói thầu LPG số 11 (TV-11) “Kiểm toán”) công trình Tổng kho LPG phần trên bờ dự án Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng (GĐ1) |
| 16. | 16/QĐ-HĐQT-KMB           | 02/8/2018  | Chấp thuận điều chỉnh giá hợp đồng Hợp đồng số 401/2015/BQLDA-ASEAN (Gói thầu 02 (TV-02) “Kiểm toán”) công trình Các hạng mục thủy công dự án Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng (GĐ1).                     |
| 17. | 17/QĐ-HĐQT-KMB           | 17/8/2017  | Thay đổi tên và mẫu dấu của chi nhánh Công ty.   |
| 18. | 18/QĐ-HĐQT-KMB           | 06/12/2017 | Ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng và thù lao đối với Ban quản lý, điều hành Công ty.  |
| 19. | 19/QĐ-HĐQT-KMB           | 07/12/2017 | Chuyển xếp lương đối với Ban quản lý, điều hành Công ty  |

**Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**  
Không có

## **2. Ban Kiểm soát:**

### **2.1 Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát**

| Họ tên             | Chức vụ    | Số cổ phần nắm giữ | % CP sở hữu |
|--------------------|------------|--------------------|-------------|
| Trần Thị Kim Phụng | Trưởng ban | 600 CP             | 0,00%       |
| Trần Thị Việt Anh  | Thành viên | 0 CP               | 0%          |
| Chu Minh Hà        | Thành viên | 1.000 CP           | 0,00%       |

Tất cả các thành viên Ban Kiểm soát đều không tham gia điều hành.

## 2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2017 Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện nhiệm vụ như sau:

- Giám sát tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Giám sát việc thực hiện các Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc kiểm tra giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty. Giám sát trong việc quản lý, sử dụng nguồn vốn, tài sản, nhân lực và các nguồn lực khác của Công ty nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí, tuân thủ đúng quy định, quy chế Công ty và pháp luật của Nhà nước.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn minh bạch trong các báo cáo. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.
- Công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động Công ty, để giúp phát hiện và khắc phục kịp thời những tồn tại trọng hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ. Định kỳ hàng quý Ban Kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, phân công trách nhiệm cho từng thành viên theo từng lĩnh vực thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã đề ra và tổng kết lập Báo cáo kiểm tra, kiểm soát.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

### 3.1 Lương, thưởng, Thù lao, các khoản lợi ích cho thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát:

Thù lao của ủy viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát đã chi trong năm 2017 theo đúng Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên KMB thành lập ngày 25/5/2007 thông qua, cụ thể là:

- Ông Trịnh Văn Minh- UV HĐQT : 36.000.000đ( Từ T1/2017-T12/2017)
- Bà Trần Thị Việt Anh – TV.BKS: 12.000.000đ (Từ T1/2017-T12/2017)

Chức danh chuyên trách hoặc kiêm nhiệm hưởng lương tại PVGAS NORTH thì không hưởng thù lao.



- 3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : ( Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.
- 3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ ( Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã thực hiện trong năm với Công ty, các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan tới các đối tượng nói trên) : Không có.
- 3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty : Hoàn thành.

## **VI. Báo cáo tài chính:**

Số: /VN1A-HN-BC

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2018, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Trần Huy Công**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0891-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 16 tháng 3 năm 2018*

*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

---

**Vũ Mạnh Hùng**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm  
toán số 2737-2018-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                     | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                  | <b>100</b> |             | <b>710,485,216,926</b> | <b>519,912,982,639</b> |
| <b>I. Tiền</b>                              | <b>110</b> | <b>4</b>    | <b>48,990,526,119</b>  | <b>32,530,639,728</b>  |
| 1. Tiền                                     | 111        |             | 48,990,526,119         | 32,530,639,728         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>        | <b>120</b> |             | <b>16,000,000,000</b>  | <b>16,000,000,000</b>  |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn          | 123        | 5           | 16,000,000,000         | 16,000,000,000         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>     | <b>130</b> |             | <b>480,714,924,002</b> | <b>364,565,230,109</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng         | 131        | 6           | 492,126,193,327        | 385,370,265,612        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn         | 132        |             | 7,001,803,080          | 7,267,514,465          |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                   | 136        | 7           | 38,258,348,741         | 16,178,479,277         |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi       | 137        | 8           | (56,672,323,546)       | (44,251,029,245)       |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý                  | 139        |             | 902,400                | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                     | <b>140</b> | <b>9</b>    | <b>83,282,503,059</b>  | <b>52,575,033,746</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                             | 141        |             | 83,282,503,059         | 52,575,033,746         |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>             | <b>150</b> |             | <b>81,497,263,746</b>  | <b>54,242,079,056</b>  |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn               | 151        | 10          | 4,679,903,114          | 2,008,526,652          |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ      | 152        |             | 75,127,462,390         | 48,786,887,454         |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153        | 11          | 1,689,898,242          | 3,446,664,950          |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| <b>TÀI SẢN</b>                         | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>Số cuối năm</b>       | <b>Số đầu năm</b>        |
|--|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>              | <b>200</b>   |                    | <b>745,047,388,441</b>   | <b>789,884,381,036</b>   |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>   | <b>210</b>   |                    | <b>15,112,954,598</b>    | <b>17,433,061,354</b>    |
| 1. Phải thu dài hạn khác               | 216          | 7                  | 15,112,954,598           | 17,433,061,354           |
| <b>II. Tài sản cố định</b>             | <b>220</b>   |                    | <b>434,455,896,129</b>   | <b>461,572,391,395</b>   |
| 1. Tài sản cố định hữu hình            | 221          | 12                 | 431,829,702,725          | 458,981,179,423          |
| - Nguyên giá                           | 222          |                    | 682,192,281,468          | 667,777,681,564          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế               | 223          |                    | (250,362,578,743)        | (208,796,502,141)        |
| 2. Tài sản cố định vô hình             | 227          | 13                 | 2,626,193,404            | 2,591,211,972            |
| - Nguyên giá                           | 228          |                    | 4,269,781,456            | 4,037,046,456            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế               | 229          |                    | (1,643,588,052)          | (1,445,834,484)          |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>        | <b>230</b>   | <b>14</b>          | <b>24,842,563,084</b>    | <b>24,515,433,300</b>    |
| - Nguyên giá                           | 231          |                    | 26,427,782,233           | 25,306,253,729           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế               | 232          |                    | (1,585,219,149)          | (790,820,429)            |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>     | <b>240</b>   | <b>15</b>          | <b>6,011,713,018</b>     | <b>2,819,043,865</b>     |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang     | 242          |                    | 6,011,713,018            | 2,819,043,865            |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>     | <b>250</b>   |                    | <b>11,920,000,000</b>    | <b>11,920,000,000</b>    |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác      | 253          | 5                  | 36,920,000,000           | 36,920,000,000           |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn   | 254          | 5                  | (25,000,000,000)         | (25,000,000,000)         |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>        | <b>260</b>   |                    | <b>252,704,261,612</b>   | <b>271,624,451,122</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn           | 261          | 10                 | 252,704,261,612          | 271,624,451,122          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b> | <b>270</b>   |                    | <b>1,455,532,605,367</b> | <b>1,309,797,363,675</b> |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              |                          |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
|   |            |             | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>   | <b>300</b> |             | <b>1,060,406,019,421</b> | <b>927,863,123,975</b>   |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>   | <b>310</b> |             | <b>968,329,780,573</b>   | <b>837,898,350,241</b>   |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                | 311        | 16          | 495,610,557,244          | 510,174,848,575          |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                          | 312        |             | 693,550,547              | 246,871,360              |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                        | 313        | 11          | 3,026,259,957            | 1,181,096,260            |
| 4. Phải trả người lao động                                    | 314        |             | 15,506,095,259           | 14,136,277,345           |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                  | 315        | 17          | 4,733,532,221            | 4,489,429,508            |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                          | 318        | 18          | 864,029,291              | 865,371,671              |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 319        | 19          | 24,227,668,896           | 20,644,770,295           |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                          | 320        | 20          | 423,668,087,158          | 286,159,685,227          |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>   | <b>330</b> |             | <b>92,076,238,848</b>    | <b>89,964,773,734</b>    |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                           | 336        | 18          | 24,192,820,136           | 25,055,507,820           |
| 2. Phải trả dài hạn khác                                      | 337        | 19          | 67,883,418,712           | 64,529,817,686           |
| 3. Dự phòng phải trả dài hạn                                  | 342        |             | -                        | 379,448,228              |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                      | <b>400</b> |             | <b>395,126,585,946</b>   | <b>381,934,239,700</b>   |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                      | <b>410</b> | <b>21</b>   | <b>395,126,585,946</b>   | <b>381,934,239,700</b>   |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                     | 411        |             | 277,198,500,000          | 277,198,500,000          |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      | 411a       |             | 277,198,500,000          | 277,198,500,000          |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                       | 412        |             | 19,717,060,000           | 19,717,060,000           |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển                                      | 418        |             | 83,824,619,704           | 83,824,619,704           |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          | 421        |             | 14,386,406,242           | 1,194,059,996            |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 1,194,059,996            | 609,838,011              |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 13,192,346,246           | 584,221,985              |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>                      | <b>440</b> |             | <b>1,455,532,605,367</b> | <b>1,309,797,363,675</b> |

Hoàng Thị Thùy Chi  
 Người lập biểu

Phạm Thị Diệu Thúy  
 Kế toán trưởng

Đoàn Trúc Lâm  
 Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh |                          |                          |
|---|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
|   |           |             | Năm nay                  | Năm trước                |
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                          | <b>01</b> |             | <b>3,552,348,417,374</b> | <b>2,525,198,676,252</b> |
| <b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)</b>         | <b>10</b> | <b>24</b>   | <b>3,552,348,417,374</b> | <b>2,525,198,676,252</b> |
| 3. Giá vốn hàng bán   | 11        | 25          | 3,049,332,667,590        | 2,148,825,822,698        |
| <b>4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>        | <b>20</b> |             | <b>503,015,749,784</b>   | <b>376,372,853,554</b>   |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính  | 21        | 27          | 2,136,363,257            | 6,720,143,106            |
| 6. Chi phí tài chính  | 22        | 28          | 19,054,594,514           | 15,361,912,547           |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>  | 23        |             | <i>18,409,508,759</i>    | <i>15,234,758,692</i>    |
| 7. Chi phí bán hàng   | 25        | 29          | 404,323,588,576          | 294,945,354,972          |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp   | 26        | 29          | 68,292,316,322           | 72,529,346,369           |
| <b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b> | <b>30</b> |             | <b>13,481,613,629</b>    | <b>256,382,772</b>       |
| 10. Thu nhập khác   | 31        |             | 1,019,714,949            | 443,517,875              |
| 11. Chi phí khác  | 32        |             | 72,231,114               | 91,678,662               |
| <b>12. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>                                      | <b>40</b> |             | <b>947,483,835</b>       | <b>351,839,213</b>       |
| <b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>                   | <b>50</b> |             | <b>14,429,097,464</b>    | <b>608,221,985</b>       |
| 14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                          | 51        | 30          | 1,231,348,339            | -                        |
| <b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>            | <b>60</b> |             | <b>13,197,749,125</b>    | <b>608,221,985</b>       |
| <b>16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                       | <b>70</b> | <b>31</b>   | <b>274</b>               | <b>22</b>                |

**Hoàng Thị Thùy Chi**  
 Người lập biểu

**Phạm Thị Diệu Thúy**  
 Kế toán trưởng

**Đoàn Trúc Lâm**  
 Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**VII. Phụ lục số 02 đính kèm:**

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính 2017 đã kiểm toán
- Ngoài ra ( Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán: chi tiết đăng tại địa chỉ website Công ty: [www.pvgasn.vn](http://www.pvgasn.vn)).

GIÁM ĐỐC



*Đoàn Trúc Lâm*



TỔNG CÔNG TY KHÍ VN-CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH  
KHÍ MIỀN BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 199 /CV - KMB  
V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau  
thuế so với cùng kỳ năm trước

Hà nội, ngày 21 tháng 3 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.  
Căn cứ Quy trình công bố thông tin của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền bắc (PV GAS NORTH)

Công ty Cổ phần kinh doanh Khí Miền Bắc (Mã CK: PVG) đã có Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán gửi lên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và UBCKNN ngày 21/03/2018 theo đúng quy định. PVGAS NORTH xin giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế trên Bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2016.

**1. Tổng hợp một số chỉ tiêu chính:**

| STT | Chỉ tiêu                               | Năm 2017          | Năm 2016          | Chênh lệch        | % tăng giảm   |
|-----|--|-------------------|-------------------|-------------------|---------------|
| (1) | (2)                                    | (3)               | (4)               | (5) = (3) - (4)   | (6) = (3)/(4) |
| 1   | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 3,552,348,417,374 | 2,525,198,676,252 | 1,027,149,741,122 | 141%          |
| 2   | Giá vốn hàng bán                       | 3,049,332,667,590 | 2,148,825,822,698 | 900,506,844,892   | 142%          |
| 3   | Lợi nhuận gộp                          | 503,015,749,784   | 376,372,853,554   | 126,642,896,230   | 134%          |
| 4   | Tỷ lệ lãi gộp/Doanh thu                | 14%               | 15%               | 12%               | 95%           |
| 5   | Chi phí hoạt động                      | 472,615,904,898   | 367,474,701,341   | 105,141,203,557   | 129%          |
| 6   | Lợi nhuận trước thuế                   | 14,429,097,464    | 608,221,985       | 13,820,875,479    | 2372%         |
| 7   | Thuế TNDN                              | 1,231,348,339     |                   |                   |               |
| 8   | Lợi nhuận sau thuế                     | 13,197,749,125    | 608,221,985       | 13,820,875,479    | 2170%         |

**2. Nguyên nhân:**

Năm 2017 giá CP trung bình ổn định và cao hơn năm 2016 là 145 USD/tấn, đồng thời PVGAS NORTH tiết giảm chi phí tối đa dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2017 cao hơn lợi nhuận sau thuế năm 2016.



Bằng công văn này PVGAS NORTH kính giải trình lên HNX và UBCKNN việc tăng lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính kỳ này.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGD (để b/c);
- Lưu VT, KP.

**GIÁM ĐỐC**



*Đoàn Trúc Lâm*

